

Đường Về Quê

Chiến-Bích-Lan

Các cụ ta có câu rằng: “Thuyền theo lái, gái theo chồng”.

Chúng tôi gặp nhau qua một người bạn của anh trai tôi dẫn anh đến nhà tôi chơi, chúng tôi quen nhau được 3 năm. Tôi là người Huế, anh Bắc Kỳ, nên lúc đầu cũng nhiều trở ngại trên nẻo đường tình, bên họ hàng anh là Bắc Kỳ thú thiệt, Bắc Vườn Xoài, Bùi Phát. Vì bà nội của anh già yếu, bố mẹ phải ở lại miền Bắc cho trọn chữ hiếu nên bố anh cho một mình anh theo các cô chú di cư vào Nam và sống với các cô chú nên khi tới tuổi lập gia đình thì các ông bà muốn anh lấy gái Bắc, nhưng vì đã mê giọng hát: “Ai Ra Xứ Huế” nên anh phải năn nỉ các ông chú bà cô nhiều lắm mới được sự đồng ý của các ông bà cho cưới cô gái Huế.

Mới quen nhau, anh nói với tôi anh không có cha mẹ nên tôi tưởng tôi không phải làm dâu, nào ngờ cưới xong, tôi lại có tới ba bà mẹ chồng, đó là hai bà cô và một bà thím, hai ông bố chồng là một ông chú rể, một ông là chú ruột.

Sau đám cưới “nhà binh” anh chỉ được ở nhà 4 ngày, rồi anh lại đi, nửa tháng, 1 tháng, có khi 2-3 tháng anh mới về, tôi ở nhà với bà cô và ông chú rể.

Trước khi lấy nhau, anh là con của các ông chú bà thím nên tất cả đều là nhà anh. Sau khi lấy nhau xong, tôi phải đi từng nhà gom tư trang của anh, nhà chú thím Nhâm vài bộ

quần áo civil, nhà chú cô Điển mấy bộ đồ lính, nhà cô Nghinh vài cái quần, đôi giày, vài đôi vớ. Nhưng cũng được vinh dự và hãnh diện là tới đâu, gặp ai cũng nói về anh, ai cũng thương mến anh, nói rằng anh hiền lành, đạo đức và nhất là học giỏi.

Lấy chồng khi tôi vừa tròn tuổi đôi mươi, theo đạo chồng, lúc quen anh tôi được những người quen biết anh, như các sĩ quan huấn luyện ở Trung Tâm Huấn Luyện Vạn Kiếp, Bà Rịa, khen anh là sĩ quan giỏi khi đơn vị anh về thụ huấn, từ những ngày mới quen, biết anh là người Công Giáo, tôi một mình một bóng đã tự nguyện đi dự lễ ngày Chủ Nhật, thăm nghĩ rằng tôi đã là con của Chúa.

Không có anh ở nhà, bữa cơm tôi ngồi xới cơm, ông chú, bà cô và mấy đứa em đưa chén cho chị dâu đơm cơm liên tục không có giờ để ăn, tôi khóc, ông chú la mấy đứa em. Có lần tôi phụ nhóm bếp lửa than, mãi không được, lửa không cháy, khói bay cay mắt, nước mắt nước mũi chảy ròng ròng, tôi vội đổ nước vào lò để cho khỏi khói, rồi ngồi sụt sùi, ông chú từ trên cầu thang bước xuống, nhìn tôi cười nhẹ và nói: Để đó chú làm cho.

Mấy ngày sau, khi ông đi làm về ông mang theo cái nồi cơm điện, và từ đó trong nhà chỉ xài bếp dầu và bếp điện.

Ông đã thương tôi, coi tôi là con dâu cả, đến bây giờ đã 45 năm tôi vẫn kính trọng ông

Thủy Quân Lục Chiến

là cha chồng, các em cũng vẫn gọi tôi là chị cả.

Tôi có thai cháu đầu, những bữa cơm chiều ông chia cho tôi nửa lon bia, bảo rằng để cho con có sức khỏe..

Khi đi lễ tôi mặc áo đầm, bà cô rầy rà, ông chú bênh tôi, ông nói:

-“Bây giờ nó là vợ ông này bà nọ phải ăn mặc cho sang trọng, chứ có phải là nhà quê như mấy bà già trầu nũa đầu, cứ để cho chúng nó thoải mái”.

Các cô em chồng thì vỗ tay hoan hô, chị đã làm cách mạng. Khi anh không có ở nhà, chị em chúng tôi rất là tâm đầu ý hợp, tôi thường dẫn các em chồng ra rạp hát Minh Châu ngồi ăn khuya, mỗi lần ông bà thấy chị em tôi đi thì nhắc nhở là nơi đó phức tạp, chúng tôi chống chế là đi ăn để học mà làm.

Sau khi có đứa con thứ hai, thì chúng tôi ra ở riêng, những ngày lễ tết chúng tôi vẫn về ở với ông bà, ngay cả khi chồng tôi đi tù suốt 13 năm mẹ con tôi cũng cứ giữ tục lệ đó, ông bà chờ mẹ con tôi về, ông ôm các cháu vào lòng rồi mới đốt pháo mừng Xuân, khi chồng tôi đi tù về, gia đình tôi vẫn cứ sáng mồng 1 Tết về chúc tuổi ông bà thật sớm kéo ông bà chờ.

Năm 1976 khi chồng tôi bị chuyển trại ra Bắc thì cũng là lúc bố chồng tôi từ Bắc vào Nam thăm mẹ con tôi, đó là lần đầu tiên ông nhìn thấy con dâu và 3 đứa cháu nội. Chồng tôi rời quê từ 10 tuổi, ¼ thế kỷ cha con không gặp nhau, bây giờ lại chỉ thấy dâu và cháu, ông cũng ở với mẹ con tôi cả tháng, ông à ơi ru cháu ngủ, sờ sờ cháu để tôi bưng chải với cuộc sống ở lễ đường, đêm khuya mới về, có khi buồn chuyến đường xa, một hay hai ngày mới có mặt ở nhà, ông chỉ ở với mẹ con tôi, ai mời ông cũng không chịu đi.

Chú chồng tôi ở Vườn Xoài, ông nội mấy cháu ở Mưỡu Giáp khéo cột chân con dâu bằng sợi giây thiêng liêng, các ông đã cột con dâu bằng tình thương yêu đó.

Hai chữ Vườn Xoài, sau này mới biết gốc gác xuất phát từ một làng rất xa lạ đối với tôi,

đó là làng Mưỡu Giáp, huyện Gia Viễn tỉnh Ninh Bình và rồi Mưỡu Giáp lại trở nên một nơi mà tôi đã nhiều lần được sống với tình thương và những niềm vui, một nơi mà trong thâm tâm tôi coi đó là quê hương.

Lần đầu tiên về quê chồng, đó là năm 1979, tôi ra Bắc với ý định về quê rồi cùng bố mẹ chồng vào trại tù thăm anh, khi đến bến xe Kim Liên tôi đã bị kẻ cắp lấy mất hết tiền bạc, giấy tờ, sau khi trình báo với đồn công an, cầm tờ giấy có mất mà không biết phải làm sao, đi đâu, tôi bèn đến làm quen và kể rõ sự tình với một bác, rất may bác cho biết bác là người cùng làng Mưỡu, bác biết cha mẹ chồng tôi và còn là họ hàng với cha mẹ chồng tôi, nên bác đã bao bọc và đưa tôi về tới làng.

Lúc xuống xe đầu làng, tôi đã gặp ngay chú em con bà cô, chú trông rất giống chồng tôi, chú đã chở giúp mấy gói quà, hai chị em đi bộ về nhà, bà con trong làng tuá ra chào hỏi, các em nhỏ thật lễ phép chào chị, không như trẻ con ở bến xe Kim Liên đã xô đẩy tôi để lấy hết tiền bạc của tôi, ở nhà cha mẹ chồng, tôi được tiếp đón thật đầm ấm để bù lại những khổ cực trên đường đi.

Cả buổi chiều hôm ấy cho tận tới khuya, bà con đầy nhà, một là hỏi thăm tin tức về cuộc sống miền Nam và có lẽ là để coi mặt cháu dâu, cô gái Huế nói tiếng trọ trọ từ đầu đó mà ra đây nhận quê hương, chỉ vài gói kẹo, mấy miếng trầu tôi đã được các ông các bà khen là con dâu bà Sỹ giỏi giang, đẹp người, đẹp nết, các ông các bà cầm tay vuốt tóc, các em chồng dạ thưa chị cả, các cháu thưa bác, thưa mợ, tất cả cho tôi nhiều tình thương dù đó mới chỉ là lần đầu.

Mưỡu Giáp trong tôi rất nhiều kỷ niệm, mỗi lần đi thăm chồng tại trại Ba Sao là tôi ghé về quê trước, tôi đã được sống và được thờ cùng làng Mưỡu Giáp.

Có lần tôi đi thăm chồng là lúc quê Mưỡu Giáp bước vào vụ cấy, mọi người tấp nập ngoài đồng, tôi cũng theo mẹ và mấy cô em chồng đi cấy, cũng xắn quần xắn áo xuống ruộng, mọi

người vui vẻ coi tôi làm việc còn trêu tôi sao chân chị trắng thế.

Trời! cả đời tôi có biết đồng ruộng là gì đâu, mới bước xuống ruộng thì eo ơi, hai bắp chân tôi đen kịt, cả chục con đĩa bám đầy, tôi vội leo lên bờ đứng run, mẹ chồng tôi lấy cái túi bọc vội xoa xoa nhẹ vào bắp chân tôi thì những con đĩa mọng đỏ rơi ra.

Một lần ghé quê đêm khuya để mai vào thăm chồng, tôi một mình xuống xe đi bộ từ đầu làng, qua nhà Thờ rồi đi vào xóm trong, tưởng đã nhiều lần về quê nên tôi không ghé vào nhà chú em chồng ở khu nhà Thờ để nhờ mấy cháu xách giúp ít đồ, và cũng muốn cha mẹ chồng bắt ngờ, trên đường trước khi vào nhà tôi cúi cúi một mình, bên trái là nhà, bên phải là cánh đồng, mưa lất phất, đường trơn trượt, chân bước đi mà như có tiếng người bước theo, sau gáy có luồng gió lạnh lạnh, tôi đi như chạy một mạch về tới nhà, bố mẹ tôi mừng rỡ, lúc bấy giờ tôi mới dám ngó lại phía sau, không thấy gì cả chỉ là bóng đêm, và tôi hỏi ông bà.

-Thầy ơi, ở đây là xứ đạo, mọi lần con về ban ngày ai ai cũng thân thiết lắm, mà sao hôm nay con về ban đêm như có ai theo con, như chọc ghẹo con? Cha chồng tôi không nói gì, chỉ khẽ bảo:

-Sao con không vào nhà em Trường nói mấy cháu đưa vào?

Sáng hôm sau khi hai bố con ngồi uống trà thì ông mới nói:

Hôm qua con đi lối đó, chỗ cái máy bơm nước là đường vào đất Thánh, là nghĩa địa, lần sau con về tối nhớ vào nhà em nhờ mấy cháu dẫn vào, và nhớ ban đêm đi lối trong xóm mà về nhà.

Mấy cô em chồng tôi thì lắc đầu, lè lưỡi bảo:

Sao chị gan thế, tụi em chẳng bao giờ dám đi qua lối ấy khi trời tối.

Một buổi chiều mùa Đông, mưa lất phất, gió rét, ghé quê để ngày hôm sau tôi đón mẹ chồng tôi vào trại thăm chồng, trên đường vào

nhà, một người chăn trâu mặc áo tơ lụp xụp, đầu che kín với cái nón lạnh phủ tai, thấy tôi đi ngang qua, anh ta như đã biết tôi, anh ta gọi với theo:

-Chị Chiến ngày mai mang giấy ra trình tôi nhé.

Tôi “dạ” cho xong chuyện, thực ra tôi có biết người chăn trâu này là ai đâu?.

Vào tới nhà tôi hỏi ông nội mấy cháu:

-Thưa thầy, có một người chăn trâu bảo con ngày mai ra trình giấy tờ.

Bố chồng tôi giải thích đó là anh công an khu vực rồi ông nói với mẹ chồng tôi và như nói cả với tôi:

-Ngày mai nếu còn kịp giờ, bà dẫn con vào gặp họ một tí, họ cũng ở gần nhà em Trường.

Và ông nói tiếp:

-Sau năm 1954, các chú, các cô và chồng con vào Nam, đêm đêm những người của xã họ xuống ngủ ngoài kia, sân nhà mình, trong nhà bà nội và thấy mẹ động đậy gì trên xã, trên huyện họ cũng biết hết, tội nghiệp mẹ mà, nuôi được mấy con gà, muốn cho bà nội, thầy và mấy em ăn, mẹ mà không biết làm sao, thầy phải bóp miệng, cột cánh và chặt cổ để cho không có tiếng kêu khi gà chết, tránh hàng xóm và người ngoài đường không nghe được, ăn phải dẫu dẫu, giếm giếm, lòng gà cũng phải chôn dưới bếp lò để khi lòng gà khô thì đốt.

Ngày hôm sau tôi và mẹ chồng tôi đón xe Ninh Bình -Phủ Lý sớm để kịp vào Ba Sao thăm chồng tôi vào buổi chiều.

Chồng tôi sau bao năm xa cách, mà khi trở về quê, lại chính tôi đưa anh về, và giới thiệu với anh từ xóm ngoài, xóm giữa và xóm trong nhà mình.

Chúng tôi vào trong nhà thờ, tạ ơn Chúa, sau bao thăng trầm, chúng tôi lại được bên nhau, nơi quê hương của anh mà suốt bao nhiêu năm anh bị tù đầy cũng ở chính phía sau dãy núi cuối làng chừng vài chục cây số.

Tôi đã cùng anh ngồi nghỉ trên sân nhà thờ,

Thủy Quân Lục Chiến

anh kể những đêm Giáng Sinh anh thường ngủ nơi đây, anh bảo trai làng, lớp tuổi của cha, chú anh đã tập võ, múa kiếm trên sân nhà thờ này trong những đêm trăng. Như vẫn còn thấy đâu đây những tia chớp của mũi kiếm chạm gạch và tiếng bước chân mạnh mẽ trên nền gạch của thể hệ cha chú đang múa quyền, đánh gậy. Tôi im lặng để cho anh sống lại tuổi thơ của anh.

Anh đã nhắc những kỷ niệm thời ấu thơ, anh đi thăm mồ mả tổ tiên, nơi đây năm trước một lần ra thăm tôi thấy rêu đất phủ đầy, tôi đã bảo mấy chú em quét vôi và làm cỏ cho sạch sẽ, anh đã dẫn tôi lang thang trong khu núi đá vôi, anh đi tìm núi Chùa Am mà chẳng thấy, cái núi có cái cửa cũng bằng đá có lỗ khóa, nay đã bị san bằng, cái núi theo lời đồn từ bao đời là nơi cất dấu vàng của Tàu khi đô hộ nước Ta.

Theo lời kể của dân làng, trước năm 1975 khi Trung Cộng đặt phòng không trên núi để chặn máy bay từ biển vào Ninh Bình, Trung Cộng đã ngăn không cho dân làng vào, lấy cớ là khu quân sự, lấy đá làm đường, đã san bằng ngọn núi chùa Am, xe chở đá ra vào tấp nập, rơi vãi đá trên đường đi, trong đám đá rơi vãi đó 1 người dân làng đã lượm được 1 thỏi vàng.

Anh tìm hang Dơi nhưng không còn nữa, đã mất dấu, chỉ là cái hang không có cửa vào, cái hang Dơi đã là nơi cả dân làng vào trú ẩn mỗi khi lính Pháp hành quân vào làng, cả núi Con Voi cũng chỉ là bãi đất bằng nền đá trơ trụi, anh bảo khi xưa, anh đã cùng chúng bạn được cõng trên mình con voi đá khổng lồ ấy.

Và anh đọc bài thơ “Chốn ấy” của anh mà như có tiếng vọng của tuổi thơ:

Đã mơ chân sáo đường ven núi,
Tuông vọng, vọng ơi ngõ cuối làng.
Một thửa lưu đầy nơi đất tổ,
Bao ngày khách lạ chốn tha hương.

Anh chỉ chỗ này là Ao Phe, ngày xưa một tên Tàu bán thuốc dạo thuê dân làng đào ao, khi đào thấy con rùa bằng đá nằm trên 1 cái chum, mở ra thì cái chum đầy nước, nó ngồi nó khóc rưng vàng của tổ tiên nó đã biến thành nước

hết rồi, dân làng cũng tin, còn tỏ ra thương hại nó, nhưng ngày hôm sau thấy con rùa trống bụng nằm chơ vơ bên đường, thì ra tên Tàu đã hơ bụng con rùa lấy đi hết vàng, rồi không thấy tên Tàu đâu nữa.

Tôi cùng anh cố leo lên đỉnh núi có cây Thánh Giá, từ đây có thể nhìn bao quát cả vùng quê, nhìn về hướng mặt trời lặn chỉ thấy núi non trùng điệp, xa thật xa, nơi thật xa đó là trại Ba Sao.

Một cánh đồng lúa mênh mông xanh rì bao quanh làng, xa tấp về phía mặt trời mọc, con đường Quốc Lộ số 1 chạy hướng nam bắc phía ngoài làng.

Anh đã chỉ cho tôi bên kia quốc lộ là ruộng lúa. Khi xưa- 1954- mùa gặt xong, cánh đồng nứt nẻ, nơi ấy, một đêm tối trời, tất cả dân các làng quanh vùng được tập hợp lại, mỗi nhà chỉ được một người ở nhà. Đêm ấy, ông Lý Toái là lý Trưởng làng anh, bị ghép tội địa chủ, họ cột ông vào một cái cọc giữa đồng, trong ánh đuốc bập bùng, tiếng hoan hô, đá đảo, mọi người bị kích động bởi người từ ở đâu về, họ kể ra những tội của ông. Cuộc đấu tố kết thúc bằng cuộc xử bắn ông ngay tại cánh đồng.

Sau những tiếng súng, như ai cũng đang nín thở run sợ, bỗng sấm sét, giông tố nổi lên, mọi người càng sợ hãi hơn, tất cả tán loạn chạy về nhà.

Anh kể, hình ảnh của đêm đấu tố đã làm cho anh hoảng sợ, từ lúc anh rời Phát Diệm về quê, anh không thích đi học nữa, mẹ anh lo anh bỏ học nên cho anh đi vào Nam trước, vì vậy khi bà nội anh đưa bà thím và đứa con mới 15 ngày tuổi ra Hà Nội để gặp ông chú, anh đã cùng đi với bà thím ra Hà Nội, anh đã không lưỡng lự khi bỏ quê hương, bỏ cha mẹ anh em mà đi.

Anh chỉ, về hướng bắc, dọc theo ven núi, đó là một con sông, xa thật xa là bến phà Phủ Lý.

Anh bảo bến phà Phủ Lý đã cho anh những kỷ niệm.

Tháng 8 năm 1954, nước ngập mênh mông cả vùng quê, cha anh đã đưa anh ra bến đò

Phủ Lý, bà nội anh vì thương các cháu nên đưa các cháu lên tới Hà Nội giao cho ông chú rồi lại từ Hà Nội trở về làng.

Khi anh lên xe để đi Hà Nội, cha anh nói với bà nội anh:

“ Nếu cháu nó không thích đi thì mẹ cứ đem nó về”

Và ông lau nước mắt vội vàng quay trở lại con thuyền đã đưa em dâu, cháu và con ra đi mà không hẹn ngày về. Trong khi đó anh chỉ với một bộ trong người vẫn cứ bước lên xe mà đi

Rồi 28 năm sau -1982- anh và bạn bè của anh bị còng tay, chuyển trại từ Tân Lập về trại Ba Sao, trên bến sông này, bến phà Phủ Lý chỉ cách làng quê anh hơn 10 cây số.

Cũng chính bến phà này, tôi đã cùng các chị không phải là chinh phụ mà là những con cò gánh gạo nuôi chồng, chúng tôi đã qua bến sông này bao nhiêu lần, bằng đủ mọi phương tiện, khi thì đi xe đò, xe chở than, chở củi, thân xác lẫn lóc với cái thùng xe, không biết bám víu vào đâu, phó mặc cho đoạn trường, chiếc xe như gã say rượu, lắc lư theo đường lầy lội đất đá gập ghềnh, mấp mô, như muốn ném chúng tôi xuống lòng đường.

Có lần từ quê vào Ba Sao bằng xe đạp của mấy chú em, đi bằng xe đạp thì khi lên những con dốc phải xuống đi bộ, mấy người dân quê thấy chúng tôi ì ạch, họ theo sau đẩy giúp, qua khỏi cái dốc thì quà cáp cũng bị đánh cắp.

Có những lúc qua phà, phải đi bộ mười mấy cây số vì không đón được xe, đôi khi vì trời tối phải ngủ lại tại quán trọ ở bến phà, nói là ngủ nhưng chỉ ngồi để canh mấy giỏ quà vì hở ra là mất liền. cái bến phà là nơi tập hợp đủ mọi thành phần xã hội.

Một lần qua bến phà Phủ Lý, tôi và mấy chị cùng vào trại Ba Sao trong chiếc xe đò tương đối dễ chịu, không bị vật vã, nghĩ rằng chuyến thăm này may mắn, sẽ được vui vẻ, gần tới trại chúng tôi chứng kiến mấy người tù đang lên dốc khiêng một cái hòm được đóng sài sài để lộ mảnh vải của người nằm bên trong phát phơ

theo gió, chúng tôi nhìn nhau, các chị nước mắt tràn trề, ai đó! chồng mình! cha mình! anh mình!. . . tất cả im lặng! không ai nói với ai, một sự im lặng tắc nghẹn trong tim. Trong thống khổ lộ ra những nhỏ nhoi, ích kỷ. Thăm khấn là ai ...xin không là chồng tôi nằm trong chiếc quan tài oan nghiệt đó.

Lại nghe có tiếng nói khi biết người trong quan tài kia không phải là chồng, là cha của những người trong chúng tôi.

Đã bao lần qua bến sông này với sức thân liễu yếu nghễ rằng không kham nổi, nhưng với tình thương của gia đình dành cho anh, tôi đã vượt qua. Sau ngày 30 tháng tư, ba tôi và 2 anh của tôi cũng bị đi tù, ba tôi tù ở Long Thành bị bệnh nặng tưởng chết nên được cho về và 3 tháng sau thì ông mất, nhà của má tôi bị tịch thu vì anh tôi, vợ chồng em gái và 2 em trai vượt biên, má tôi thu xếp về ở với mẹ con tôi, gia đình tôi cũng chịu bao cảnh chia ly.

Người cuối cùng trong gia đình tôi chịu cảnh tù đầy là chồng tôi nên mọi tình thương đều dồn cho chúng tôi, nhất là cho anh, các em tôi đã giúp đỡ và hối thúc tôi thăm nuôi anh để anh vượt qua khổ ải này, để anh có ngày xum họp với mẹ con tôi.

Ngày anh trở về với mẹ con tôi cũng phải qua bến sông kia, để rồi tôi và anh được thăm lại quê hương anh.

Chúng tôi ngồi trên đỉnh núi nhớ lại những đoạn đường đã qua.

Buổi chiều tà, bóng núi Thánh Giá che phủ cả thôn làng, như áp ú con dân suốt đêm trường và ngày mai lại được bóng của ngôi nhà Thờ phủ xuống mọi nhà.

Trên đỉnh núi gió lộng, nghe gió hú, nhìn mây bay, vang vang tiếng chuông chiều.

Tiếng chuông đã cho chúng tôi được an bình trong khoảnh khắc, như để quên đi thăng trầm của cuộc sống những năm tháng qua.

Chiến-Bích-Lan